

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST

Ngày: 10/9/2018

Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ơng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nhâm Đức Hùng

- Th^đ ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung– Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 178/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 08 năm 2017 về tranh chấp "*Hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số nhà ..., đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A- Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng T (Theo Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật Ngân hàng T số 114/QĐ-HĐQT ngày 23/4/2018 của Hội đồng quản trị Ngân hàng T).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T- Chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh R (Theo văn bản ủy quyền số 1203/QĐ-NHKL, ngày 24/4/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T).

Người được ủy quyền lại: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1980- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng Giao dịch B (Theo văn bản ủy quyền số 44/UQ-CNRG, ngày 22/5/2018 của Quyền Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh R).

Địa chỉ liên hệ: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh K.

(Ông T có mặt tại phiên tòa)

2. Đồng bị đơn: - Ông Cao Văn L, sinh năm 1973

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

Bà Lê Thị Đ bị Tòa án tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

Người giám hộ của bà Lê Thị Đ: Ông Cao Văn L, sinh năm 1973, ngụ tại tổ 5, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

(Theo Quyết định số 02/2018/QĐVDS-ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang).

(Bà Đ vắng mặt tại phiên tòa, ông L có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Chị Cao Thị Cẩm T**, sinh năm 1991
- **Chị Cao Thị Tý N**, sinh năm 1993
- **Chị Cao Hồng Nh**, sinh năm 1995
- **Chị Cao Hồng M**, sinh năm 1997
- **Anh Cao Văn V**, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

(Các chị T, N, Nh, M và anh V vắng mặt tại phiên tòa)

- **Bà Cao Thị Diễm T**, sinh năm 1978
- **Ông Lê Văn Đ**, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số nhà 155, tổ 4, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

(Bà T, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017 của nguyên đơn Ngân hàng T, bản tự khai của các đ-ơng sự, nội dung các phiên hoà giải ngày 30/5/2018, 20/6/2018, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Ông Lâm Văn T (Người được ủy quyền lại của Ngân hàng T) trình bày:

Vào ngày 17/8/2012, ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ có ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD vay vốn của Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B số tiền vay gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), thời hạn vay là 14 tháng, ngày giải ngân là 20/8/2012, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/10/2013, lãi suất là 1,7%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng T tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,70%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, trả nợ gốc vào cuối kỳ, tiền lãi trả 06 tháng/lần, mục đích vay là trồng lúa, chăn nuôi, thuê đất sản xuất nông nghiệp. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trung hạn nêu trên là quyền sử dụng đất với diện tích là 14.064m² đất lúa, đất thổ vườn, đất trồng cây lâu năm khác tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K được nêu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 882661, M 882663 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QV0458/HĐTC ngày 17/8/2012.

Tạm tính đến ngày 10/9/2018, ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ còn nợ lại Ngân hàng T- Chi nhánh R - Phòng giao dịch B số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 18.530.222 đồng, số tiền phạt chậm trả là 35.117.151 đồng, số tiền lãi quá hạn là 106.505.000 đồng, tổng cộng là 240.152.373đ (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng).

Ngân hàng T yêu cầu ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền vay gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 10/9/2018 là 240.152.373đ (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012 cho đến ngày thanh toán dứt nợ; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QV0458/HĐTC ngày 17/8/2012 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị Diễm T trình bày:

Vào tháng 11/2013 âm lịch, không nhớ rõ ngày, vợ chồng tôi có cổ của vợ chồng ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ diện tích đất 03 công tằm 03 mét tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K với số vàng 15 chỉ 24K, thời hạn cổ đất từ tháng 11/2013 âm lịch đến tháng 02/2014 âm lịch. Ngày 15/02/2015 âm lịch, vợ chồng tôi có cổ thêm của ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ diện tích đất 03 công tằm 03 mét tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K với số vàng 15 chỉ 24K, thời hạn cổ đất từ ngày 15/02/2015 âm lịch đến ngày 15/02/2017 âm lịch.

Đến nay, ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ chưa chuộc lại đất đã cổ, khi nào ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ có vàng chuộc lại đất thì vợ chồng tôi cho họ chuộc lại đất. Vợ chồng tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với ông L và bà Đ về sau thì vợ chồng tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Ông Cao Văn L trình bày:

Tôi là chồng của bà Lê Thị Đ. Tôi và bà Đ có được 05 người con gồm: Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, Cao Văn V.

Vợ chồng tôi có vay tiền của Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B và còn nợ lại Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B số tiền vay gốc, tiền lãi như ông T đã trình bày. Vợ chồng tôi xin trả cho Ngân hàng T số tiền vay gốc, xin miễn một phần tiền lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thời hạn trả là 01 năm kể từ ngày Tòa xét xử vụ án.

Vợ chồng tôi có cổ đất cho vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị Diễm T như họ đã trình bày. Diện tích đất mà vợ chồng tôi cổ cho ông Đ, bà T nằm trong diện tích đất vợ chồng tôi đã thế chấp cho Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B để vay số nợ nêu trên. Ngoài ra, vợ chồng tôi không còn cổ hay chuyển nhượng đất đã thế chấp cho Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B để vay số nợ nêu trên cho cá nhân hay tổ chức nào cả.

Các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M trình bày:

Cha mẹ chúng tôi (ông L và bà Đ) có vay tiền của Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B và còn nợ lại Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B số tiền vay gốc, tiền lãi như ông T đã trình bày. Chúng tôi xin Ngân hàng T cho cha mẹ chúng tôi trả nợ gốc, xin miễn một phần tiền lãi như ông L đã trình bày. Chúng tôi có ký tên vào biên bản họp thành viên hộ gia đình ngày 15/8/2012. Nếu cha, mẹ chúng tôi không thanh toán

được nợ cho Ngân hàng thì chúng tôi đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Anh Cao Văn V trình bày:

Tôi có ý kiến như ý kiến của các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, tôi không có ký tên vào biên bản họp thành viên hộ gia đình ngày 15/8/2012.

Tại phiên tòa, ông Lâm Văn T yêu cầu ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ và các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vay gốc và số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012 tính đến ngày 10/9/2018 là 240.152.373đ (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012 cho đến ngày thanh toán dứt nợ; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QV0458/HĐTC ngày 17/8/2012 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Ông Cao Văn L vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong quá trình thanh toán nợ vay nên Ngân hàng T khởi kiện ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/7/2017. Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V và ông Lê Văn Đ tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS, ngày 20/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST- DS, ngày 15/8/2018 và Thông báo về việc thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 04/TB-TA, ngày 17/8/2018 cho các đ- ơng sự theo quy định của pháp luật, các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 105, 107, 109, 111, 113, 115), đ- ọc sự thống nhất của ông Lâm Văn T, ông Cao Văn L và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa

án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V và ông Lê Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt bà Cao Thị Diễm T tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS, ngày 20/7/2018, Quyết định hoãn phiên toà số 23/2018/QĐST-DS, ngày 15/8/2018 và Thông báo về việc thời gian, địa điểm mở lại phiên toà số 04/TB-TA, ngày 17/8/2018 cho bà T theo quy định của pháp luật, bà T vẫn vắng mặt tại phiên toà, đ-ọc sự thống nhất của ông Lâm Văn T, ông Cao Văn L và Kiểm sát viên tham gia phiên toà, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Cao Thị Diễm T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T:

Tại phiên toà, ông Cao Văn L (đồng bị đơn và là người giám hộ của bà Lê Thị Đ) vẫn thừa nhận là ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ có ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD vay vốn của Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B số tiền vay gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) vào ngày 17/8/2012, thời hạn vay là 14 tháng, ngày giải ngân là 20/8/2012, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/10/2013, lãi suất là 1,7%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng T tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,70%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, trả nợ gốc vào cuối kỳ, tiền lãi trả 06 tháng/lần, mục đích vay là trồng lúa, chăn nuôi, thuê đất sản xuất nông nghiệp; tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD là quyền sử dụng đất với diện tích là 14.064m² đất lúa, đất thổ vườn, đất trồng cây lâu năm khác tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K được nêu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 882661, M 882663 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QV0458/HĐTC ngày 17/8/2012; tính đến ngày 10/9/2018, ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ còn nợ lại Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B tổng số tiền vay gốc và tiền lãi là 240.152.373đ (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng).

Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ để xác định ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ đã vi phạm thỏa thuận đã giao kết trong Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD về việc thanh toán tiền lãi và tiền vay gốc. Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án buộc ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ và các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng T theo yêu cầu của Ngân hàng T.

Kể từ ngày 11/9/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 24/8/2012.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ và các chi Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QV0458/HĐTC ngày 17/8/2012 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng T.

Việc các đ-ơng sự thanh toán số nợ nêu trên nh- thể nào thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị Diễm T và ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ: Tại phiên tòa, ông Cao Văn L (đồng bị đơn và là người giám hộ của bà Lê Thị Đ) thừa nhận là ông L và bà Đ có cố cho vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị Diễm T tổng diện tích đất là 06 (sáu) công tầm 03 mét tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K với tổng số vàng là 30 (ba mươi) chỉ 24K, diện tích đất mà ông L và bà Đ cố cho ông Đ, bà T nằm trong diện tích đất ông L và bà Đ đã thế chấp cho Ngân hàng T- Chi nhánh R- Phòng giao dịch B để vay số nợ nêu trên, ông L và bà Đ chưa chuộc lại đất đã cố.

Ngày 30/5/2018, ông Đ và bà T cam kết nộp cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đơn yêu cầu độc lập về việc ông Đ và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với ông L và bà Đ, thời hạn nộp đơn yêu cầu độc lập là 15 ngày, kể từ ngày 30/5/2018 dương lịch nhưng ông Đ và bà T không thực hiện cam kết. Ngày 20/6/2018, ông Đ xác định là vợ chồng ông không có tranh chấp trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp về sau thì ông Đ và bà T sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do đó, Tòa án không xem xét quan hệ pháp luật cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn Đ, bà Cao Thị Diễm T và ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ trong vụ án này.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

[3] Về án phí:

Ông Cao Văn L có đơn xin giảm án phí đề ngày 14/6/2018 với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế (BL 98). Tuy nhiên, trường hợp của ông L không thuộc trường hợp được giảm tiền án phí theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b, Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án buộc ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của tổng

số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng T là: $240.152.373 \text{ đồng} \times 5\% = 12.007.618\text{đ}$ (Mười hai triệu không trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm mười tám đồng).

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T đ- ọc hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng T đã nộp là 5.052.000đ (Năm triệu không trăm năm m- ời hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009854, ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 13, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b, Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ và các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vay gốc và số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012 tính đến ngày 10/9/2018 là 240.152.373đ (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày 11/9/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số QV0458/HĐTD ngày 17/8/2012 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 24/8/2012.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Văn L, bà Lê Thị Đ và các chị Cao Thị Cẩm T, Cao Thị Tý N, Cao Hồng Nh, Cao Hồng M, anh Cao Văn V không thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QV0458/HĐTC ngày 17/8/2012 để ưu tiên thanh toán nợ cho T.

2- Về án phí:

Buộc ông Cao Văn L và bà Lê Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.007.618đ (Mười hai triệu không trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm mười tám đồng).

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T đ- ọc hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng T đã nộp là 5.052.000đ (Năm triệu không trăm năm m- ời hai ngàn đồng) theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0009854, ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2018), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng

